

Bản án số: 08/2023/HS-ST  
Ngày 28 - 4 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu.

Bà Phạm Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trúc là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

**Đoàn Trọng N**, sinh ngày 11/6/1982 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H1, xã L, huyện G, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: ấp H1, xã L, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Công T (không xác định được năm sinh, nơi cư trú) và bà Trương Thị M, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2022 cho đến nay. (có mặt)

**- Người bị hại:**

1. Ông Lê Đức Th, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt có lý do)

2. Ông Đặng Kim T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

3. Bà Trương Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L: Ông Đặng Kim T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (Văn bản ủy quyền lập ngày 26/4/2022). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 21/4/2022 và 24/4/2022, Đoàn Trọng N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp mai (kiêng) trên địa bàn xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: trước đây N đi bắt cá ngang qua vườn của ông Lê Đức Th, thuộc ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B nên N biết vườn ông Th có trồng mai vàng nên nảy sinh ý định bứng trộm. Đến khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/4/2022, N mang theo 01 cái cưa cầm tay và 01 cái xẻng đến vườn dừa của ông Th, N dùng xẻng đào đất xung quanh một cây mai vàng rồi dùng cái cưa cầm tay cắt nhánh và cắt thu nhỏ bộ rễ cây mai. Sau khi bứng cây mai xong, N đi bộ mang cây mai về cất giấu trong phòng ngủ tại nhà của N.

Hiện trường vụ án xảy ra tại phần đất vườn của ông Lê Đức Th ở ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B. Vị trí cây mai vàng bị bứng trộm cách nhà ông Th về hướng Đông là 55 mét.

- Vụ thứ hai: trước đó N có làm thuê cho ông Đặng Kim T, tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B nên N biết vườn của ông T có trồng một cây thanh mai nên nảy sinh ý định bứng trộm. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 24/4/2022, N mang theo 01 cái cưa cầm tay và 01 cái xẻng rồi chèo ghe từ nhà của N đến đậu ở khu vực gần vườn ông T, N đi bộ vào vườn, đến vị trí trồng cây thanh mai, N dùng xẻng đào gốc mai, dùng cưa cắt nhánh mai và cắt thu nhỏ bộ rễ cây mai. Sau khi bứng được cây mai, N mang cây mai bỏ lên ghe chở về cất giấu trong phòng ngủ tại nhà của N ở ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B.

Hiện trường vụ án xảy ra tại phần đất vườn của ông Đặng Kim T ở ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B. Vị trí cây thanh mai bị bứng trộm cách nhà ông T về hướng Đông Nam là 12 mét.

- Vật chứng tạm giữ:

+ 01 cây mai (loại mai vàng), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 156cm, bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 117cm; chu vi thân sát gốc là 44cm, chu vi thân nơi cao nhất là 19cm.

+ 01 cây mai (loại thanh mai), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 98cm; bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 226cm; chu vi thân sát gốc là 63cm, chu vi thân nơi cao nhất là 17cm.

+ 01 cái xẻng chiều dài 64cm; lưỡi xẻng bằng kim loại có nhiều vết rỉ sét và dính đất, lưỡi có chiều dài 17cm, nơi rộng nhất của lưỡi xẻng là 12,5cm; cán xẻng bằng kim loại, có chiều dài là 47cm, trên cán xẻng có quấn băng keo màu vàng.

+ 01 cái cưa cầm tay có chiều dài 54cm; lưỡi bằng kim loại dài 32cm, nơi rộng nhất của lưỡi cưa là 4,5cm; cán cưa bằng kim loại dài 22cm, cán được bọc nhựa màu đen.

+ 01 ghe bằng gỗ (loại ghe bơi tay), không có mái che, chiều dài 305cm, nơi rộng nhất của ghe là 85cm, ghe đã cũ, thân ghe có nhiều vết bể và trầy xước.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 01/11/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự, kết luận:

+ Vào thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 21/4/2022), tài sản có giá trị như sau: 01 cây mai (loại mai vàng) được trồng dưới đất từ nhỏ được 15 năm, chiều cao 05m, tán cây rộng 03m, chu vi thân sát gốc 44cm, tình trạng cây đang sống, phát triển, giá 4.000.000 đồng.

+ Vào thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 24/4/2022), tài sản có giá trị như sau: 01 cây mai (loại thanh mai) lúc chưa bị thay đổi hình dạng có chiều cao 04m, tán cây rộng 05m, chu vi thân sát gốc 63cm, thân mai chia làm 03 thân nhỏ, tình trạng cây đang sống, phát triển, giá 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Đặng Kim T số tiền 30.000.000 đồng do cây mai bị cắt mất giá trị; đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Lê Đức Th số tiền 2.000.000 đồng gồm 1.500.000 đồng là tiền do cây mai bị cắt mất giá trị và 500.000 đồng tiền công chăm sóc. Bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại Th số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại T số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo N tiếp tục bồi thường theo thỏa thuận.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSGT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Đoàn Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Trọng N phạm: “Tội trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đoàn Trọng N có mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Th đã nhận lại 01 cây mai (loại mai vàng), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 156cm, bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 117cm; chu vi thân sát gốc là 44cm, chu vi thân nơi cao nhất là 19cm và số tiền bồi thường là 2.000.000 đồng, bị hại Th không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác, nên không đề cập.

Ghi nhận bị hại T đã nhận lại 01 cây mai (loại thanh mai), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 98cm; bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 226cm; chu vi thân sát gốc là 63cm, chu vi thân nơi cao nhất là 17cm. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại T số tiền 10.000.000 đồng trong tổng số tiền mà bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 30.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bị hại T số tiền 20.000.000 đồng còn lại.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu và tiêu hủy 01 cái xẻng chiều dài 64cm; lưỡi xẻng bằng kim loại có nhiều vết rỉ sét và dính đất, lưỡi có chiều dài 17cm, nơi rộng nhất của lưỡi xẻng là 12,5cm; cán xẻng bằng kim loại, có chiều dài là 47cm, trên cán xẻng có quấn băng keo màu vàng; 01 cái cưa cầm tay có chiều dài 54cm; lưỡi bằng kim loại dài 32cm, nơi rộng nhất của lưỡi cưa là 4,5cm; cán cưa bằng kim loại dài 22cm, cán được bọc nhựa màu đen.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo Đoàn Trọng N hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại Lê Đức Th vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị hại Th đã có lời khai rõ ràng và không có yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác, mặt khác bị hại Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên sự vắng mặt của bị hại Th không trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại Th theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản riêng của mình, trong hai ngày (ngày 21/4/2022 và ngày 24/4/2022), Đoàn Trọng N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp mai trên địa bàn xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cụ thể: Ngày 21/4/2022, bị cáo N bứng trộm 01 cây mai vàng trị giá 4.000.000 đồng của ông Lê Đức Th tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B; Ngày 24/4/2022, N bứng trộm 01 cây thanh mai trị giá 60.000.000 đồng của ông Đặng Kim T tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B. Tổng giá trị tài sản của hai lần mà bị cáo chiếm đoạt từ các bị hại có giá trị 64.000.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản sự việc, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Đoàn Trọng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đoàn Trọng N với tội danh và điều khoản đã được viện dẫn tại Bản Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có đủ cơ sở nên được chấp nhận.

Bị cáo Đoàn Trọng N là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy

hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại để tài sản của cá nhân mình. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội; gây tâm lý bất an, lo lắng trong nhân dân vì phải thường xuyên đề cao cảnh giác. Vì vậy, đối với hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Trong vụ án này, bị cáo một mình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên không có đồng phạm. Qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo sau khi căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng vào ngày 29/4/2022, bị Ủy ban nhân dân xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm ra Quyết định số 837/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền phạt 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt). Ngày 06/9/2022, bị Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm ra Quyết định số 196/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền phạt 1.500.000 đồng (đã nộp phạt), nên bị cáo được xem là có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo Đoàn Trọng N có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và đều đủ định lượng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo không còn tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Đoàn Trọng N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại Th và đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại T; các bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ của vụ án: Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo Đoàn Trọng N, Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản chiếm đoạt của bị cáo đối với các bị hại lớn, bị cáo đã xem thường pháp luật, không tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của công dân nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Ghi nhận bị hại Th đã nhận lại 01 cây mai (loại mai vàng), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 156cm, bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 117cm; chu vi thân sát gốc là 44cm, chu vi thân nơi cao nhất là 19cm. Ghi nhận bị hại T đã nhận lại 01 cây mai (loại thanh mai), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 98cm; bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 226cm; chu vi thân sát gốc là 63cm, chu vi thân nơi cao nhất là 17cm.

Đối với 01 cái xẻng chiều dài 64cm; lưỡi xẻng bằng kim loại có nhiều vết rỉ sét và dính đất, lưỡi có chiều dài 17cm, nơi rộng nhất của lưỡi xẻng là 12,5cm; cán xẻng bằng kim loại, có chiều dài là 47cm, trên cán xẻng có quấn băng keo màu vàng; 01 cái cửa cầm tay có chiều dài 54cm; lưỡi bằng kim loại dài 32cm, nơi rộng nhất của lưỡi cửa là 4,5cm; cán cửa bằng kim loại dài 22cm, cán được bọc nhựa màu đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc ghe bằng gỗ (loại ghe bơi tay), không có mái che, chiều dài 305cm, nơi rộng nhất của ghe là 85cm, ghe đã cũ, thân ghe có nhiều vết bể và trầy xước mà bị cáo sử dụng làm phương tiện cho việc phạm tội thuộc quyền sở hữu của bà Trương Thị Kim H, bị cáo tự ý lấy ghe đi trộm cắp nhưng bà H không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà H là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Đức Th số tiền 2.000.000 đồng gồm 1.500.000 đồng là tiền do cây mai bị cắt mất giá trị và 500.000 đồng tiền công chăm sóc, bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại Th. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Đặng Kim T số tiền 30.000.000 đồng do cây mai bị cắt mất giá trị, ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại T số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 20.000.000 đồng bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại T, nhưng chưa bồi thường nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền trên.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Trọng N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố bị cáo Đoàn Trọng N phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Phạt: Đoàn Trọng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hình phạt tù.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận bị hại Th đã nhận lại 01 cây mai (loại mai vàng), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 156cm, bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 117cm; chu vi thân sát gốc là 44cm, chu vi thân nơi cao nhất là 19cm. Ghi nhận bị hại T đã nhận lại 01 cây mai (loại thanh mai), đã bị cắt bỏ toàn bộ phần nhánh chỉ còn lại phần thân có chiều cao 98cm; bộ rễ đã bị cắt thu nhỏ, phần rễ còn lại có chu vi 226cm; chu vi thân sát gốc là 63cm, chu vi thân nơi cao nhất là 17cm.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái xẻng chiều dài 64cm; lưỡi xẻng bằng kim loại có nhiều vết rỉ sét và dính đất, lưỡi có chiều dài 17cm, nơi rộng nhất của lưỡi xẻng là 12,5cm; cán xẻng bằng kim loại, có chiều dài là 47cm, trên cán xẻng có quấn băng keo màu vàng; 01 cái cửa cầm tay có chiều dài 54cm; lưỡi bằng kim loại dài 32cm, nơi rộng nhất của lưỡi cửa là 4,5cm; cán cửa bằng kim loại dài 22cm, cán được bọc

nhựa màu đen. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/3/2023 giữa Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

[3] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo bồi thường cho bị hại ông Lê Đức Th số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng.

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại ông Đặng Kim T và bà Trương Thị L số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng trong tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Đoàn Trọng N phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Đặng Kim T và bà Trương Thị L số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng còn lại.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Trọng Nghĩa phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Những người tham gia tố tụng khác (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (03b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Phạm Minh Tâm**